TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2017
V/v " Xin ly hôn,
Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Lâm
2. Ông Nguyễn Đình Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2017 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; có mặt
Địa chỉ: Xóm 3A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An
2. *Bị đơn*: Anh Lê Minh S, sinh năm 1974; vắng mặt
Địa chỉ: Xóm 3A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Minh S kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q vào ngày 18/3/1996 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T xin được ly hôn anh S.

Anh S thống nhất thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ năm 2008 anh S làm ăn thua lỗ nên vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn anh S không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con cái.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Minh S có hai con chung là cháu Lê Đình T1, sinh ngày 06/7/1997 và cháu Lê Minh T2, sinh ngày 13/11/2003. Hiện cháu Lê Minh T2 đang ở cùng chị T, còn cháu Lê Đình T1 đã trưởng thành có công việc làm ổn định.

Ly hôn chị T có nguyện vọng được quyền nuôi con chung là cháu Lê Minh T2 và không yêu cầu anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Đình T1 đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con.

Anh S có nguyện vọng được quyền nuôi con chung là cháu Lê Minh T2, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Đình T1 đã trưởng thành cháu ở với ai là quyền của cháu.

Cháu Lê Minh T2 có nguyện vọng: Nếu chị T và anh S ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ, từ trước đến nay cháu đã ở với mẹ được ăn học đầy đủ.

Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Minh S.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Minh T2, sinh ngày 13/11/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Lê Đình T1 đã trưởng thành nên miễn xét. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh S vì chị T chưa yêu cầu. Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Minh S nhiều lần nhưng anh S vẫn cố tình trốn tránh, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Minh S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Lê Minh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/3/1996. trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hôn nhân tuân thủ các điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại UBND xã T về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, theo đó nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh S làm ăn thua lỗ, vợ chồng bất đồng quan điểm, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị T xin ly hôn. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Minh S.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Minh S có hai con chung là cháu Lê Đình T1, sinh ngày 06/7/1997 và cháu Lê Minh T2, sinh ngày 13/11/2003. Hiện cháu T2 đang ở cùng chị T, còn cháu T1 đã trưởng thành có công việc làm ổn định.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị T và anh S là chính đáng. Hiện nay cháu T2 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu được ăn, học và phát triển bình thường. Từ năm 2014 đến nay chị T nuôi con vẫn đảm bảo điều kiện cho con phát triển. Anh S thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương, do đó nếu giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng có nhiều khả năng ảnh hưởng không tốt đối với con chung. Vì vậy, cần giao con chung là Lê Minh T2 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Lê Đình T1 đã trên 18 tuổi trưởng thành, có công việc làm và sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con nên miễn xét.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Minh S vì chị T chưa yêu cầu.

Anh Lê Minh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Chị T và anh S không yêu cầu tòa án giải quyết về quan hệ tài sản nên miễn xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: - Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Minh S.

- Về con chung: Giao con chung Lê Minh T2, sinh ngày 13/11/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Lê Đình T1 đã trên 18 tuổi trưởng thành, có công việc làm và sống tự lập không ai yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con nên miễn xét.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh S do chị T chưa yêu cầu.

Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Minh S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai số 0003218 ngày 06/3/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

Nơi nhận
- VKSND H. Quỳnh Lưu
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.